TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/DS-PT
Ngày 26 – 8 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Văn Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản"*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2020/QĐ-PT ngày 17/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2020/QĐ-HPT ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị N, sinh năm: 1984.

Ông Dương Văn D, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Xóm 7, thôn LT, xã TH, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Cao T, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số 135 Nguyễn Công T, Phường 2, thành phố ĐL.

(Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2019).

- *Bị đơn*: Bà Hoàng Thị T, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Thôn TH, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Phan Đình H, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn TH, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo*: Bà Đỗ Thị N, Ông Dương Văn D - Nguyên đơn.

(Ông có mặt; Bà T, Ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn Bà Đỗ Thị N, Ông Dương Văn D cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông Lê Cao T thì:

Vợ chồng Ông D, bà N có mở đại lý thu mua cà phê. Từ ngày 14/02/2013 (dương lịch) Bà T có chốt cà phê nhân đến ngày 10/01/2014 của đại lý cà phê của vợ chồng Ông D, bà N nhiều lần khoảng 30.000kg. Hình thức chốt cà phê là Bà T đến đại lý của vợ chồng Ông D, bà N chốt cà phê và vợ chồng Ông D, bà N sẽ đưa tiền trước cho Bà T, khi nào đến mùa thu hoạch cà phê thì Bà T mới giao cà phê cho vợ chồng Ông D, bà N. Đến mùa Bà T có trả được cho vợ chồng Ông D, bà N 02 lần cà phê nhân, tổng cộng 5.369kg. Đến ngày 19/4/2015 hai bên đã thỏa thuận tính toán chốt cà phê thì Bà T chưa giao cho vợ chồng Ông D, bà N 24.500kg cà phê nhân quy ra thành tiền Bà T còn nợ vợ chồng Ông D, bà N là 1.138.600.000 đồng. Khi chốt nợ vào ngày 19/4/2015 thì hai bên có thỏa thuận và viết Hợp đồng mua bán nông sản, Ông D là người trực tiếp viết hợp đồng mua bán nông sản, Bà T có ký và ghi rõ họ tên trong hợp đồng. Bà T hẹn trả trước vào ngày 30/6/2015 là 500.000.000 đồng, số còn lại sẽ trả vào ngày 20/11/2015 nhưng đến nay Bà T vẫn chưa trả cho vợ chồng Ông D, bà N đồng nào.

Nay vợ chồng Ông D, bà N yêu cầu Bà T có trách nhiệm trả cho vợ chồng Ông D, bà N số tiền nợ là 1.138.600.000 đồng.

Theo lời trình bày của bị đơn Bà Hoàng Thị T thì:

Do bà và vợ chồng Ông D, bà N có quen biết và làm ăn với nhau. Ông D, bà N đưa tiền cho bà để bà chốt giá cà phê, khi có cà phê bà sẽ trả cho Ông D, bà N. Từ ngày 14/11/2013 đến ngày 30/12/2013 hai bên có chốt số cà phê là 19.700kg. Ngày 13/12/2013 bà có trả cho vợ chồng Ông D, bà N số cà phê nhân 2846,2kg, ngày 28/12/2013 bà đã trả thêm 2522,8 kg. Bà còn nợ vợ chồng Ông D, bà N số cà phê nhân là 14.331kg. Hai bên chỉ chốt lại vào tờ giấy theo từng ngày bà có giao cụ thể bao nhiêu và chốt lại có ghi bà còn nợ lại 14.331kg, giấy này Ông D tự viết.

Đến ngày 19/11/2014, bà có nhờ Ông Phan Đình H, trú tại: Số 78A Thôn TH, xã TH, huyện ĐT (Ông H là hàng xóm của bà) đi cân cà phê cho bà để bà trả cho vợ chồng Ông D, bà N tổng cộng là 2.800kg, Ông H có ghi số kg cụ thể khi cân. Vì vậy, bà còn nợ Ông D, bà N là 11.531kg cà phê nhân. Ông D, bà N cho rằng hai bên đã chốt nợ và bà có ký vào hợp đồng mua bán nông sản ngày 19/4/2015 là không đúng sự thật, bà không hề ký bất cứ giấy tờ gì để chốt lại là bà

còn nợ vợ chồng Ông D, bà N 24.500kg cà phê nhân quy ra thành tiền là 1.138.600.000 đồng.

Trong quá trình còn nợ cà phê nhân của Ông D, bà N thì do làm ăn bị thua lỗ vì những người chốt giá cà phê lấy tiền từ bà không trả cà phê nhân như đã hẹn cho bà nên bà mới không giao cà phê còn nợ cho Ông D, bà N được. Sau đó bà có gặp Ông D, bà N để thỏa thuận, bà vẫn đồng ý trả tiền nợ nhưng do không có khả năng nên bà đề nghị trả trong vòng 03 năm. Tuy nhiên, đến ngày 11/11/2018 vợ chồng Ông D, bà N đến nhà gặp gia đình bà, đi cùng Ông D, bà N còn có 04 người đàn ông lạ mặt.

Vợ chồng Ông D, bà N nói với bà là xã hội đen để buộc bà phải trả nợ; vợ chồng Ông D, bà N cùng 04 người đàn ông lạ mặt bắt bà phải ký và trả đủ số cà phê ghi trên giấy là 24.500kg cà phê nhân tương đương 1.138.600.000,đồng. Bà không đồng ý ký vì số cà phê nhân bà còn nợ chỉ còn 11.531kg, đối với hành vi này bà đã báo Công an xã TH, ĐT vào ngày 12/11/2018 để giải quyết.

Nay Ông D bà N yêu cầu bà phải trả cho Ông D bà N số tiền nợ là 1.138.600.000 đồng thì bà không đồng ý. Vì hiện nay bà chỉ còn nợ Ông D, bà N 11.531kg cà phê nhân, bà chỉ đồng ý trả 11.531kg cà phê nhân theo giá thị trường hiện nay.

Đối với Hợp đồng mua bán nông sản ngày 19/4/2015 thì bà khẳng định là bà không có ký vào hợp đồng này, chữ ký và chữ viết trong hợp đồng không phải là của bà nhưng bà không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký và chữ viết của bà, bà yêu cầu Ông D, bà N cung cấp các giấy tờ sổ sách ghi chép giữa bà và Ông D, bà N.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phan Đình H thì:

Ông và Bà T là chỗ quen biết và là hàng xóm với nhau. Do đó, vào buổi sáng khoảng tháng 11 năm 2014 Bà T có nhờ ông xuống nhà Bà T để cân số cà phê nhân của Bà T để trả cho Ông D, bà N. Khi cân thì ông có viết vào giấy từng mã cân, sau đó đưa lại cho Bà T. Thời gian đã quá lâu ông không nhớ rõ cụ thể số kg cà phê là bao nhiêu, ông chỉ nhớ khoảng hơn 2000kg cà phê nhân (hơn 02 tấn). Trong quá trình cân lúc đó có 04 người gồm có bà N và 03 người khác là lái xe và bốc xếp nhưng ông không biết tên. Sau khi cân bà N là người trực tiếp nhận số cà phê nhân đó, bốc xếp bốc lên xe và lái xe chở cà phê về cho bà N. Là hàng xóm với nhau nên Bà T nhờ thì ông đi cân dùm cho Bà T, còn việc mua bán giữa Ông D, bà N và Bà T tiền bạc cụ thể như thế nào thì ông không biết. Nay Ông D, bà N khởi kiện Bà T là việc mua bán cà phê giữa hai bên, ông không có ý kiến gì.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 19/2019/DS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐT. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông bà Dương Văn D, Đỗ Thị N.

Buộc Bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông bà Dương Văn D, Đỗ Thị N số tiền nợ là 742.095.500 đồng (Bảy trăm bốn mươi hai triệu không trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 09/5/2020, nguyên đơn Bà Đỗ Thị N, Ông Dương Văn D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐT theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà. Buộc Bà T có nghĩa vụ thanh toán cho ông bà số tiền 1.138.600.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà Đỗ Thị N, Ông Dương Văn D là Ông Lê Cao T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Bị đơn Bà Hoàng Thị T đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Bà Đỗ Thị N, Ông Dương Văn D, sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Bà Hoàng Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phan Đình H đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc vợ chồng Ông D, bà N cho rằng giữa vợ chồng ông bà với Bà T có mối quan hệ làm ăn mua bán cà phê với nhau theo hình thức vợ chồng ông bà giao tiền trước cho Bà T, đến mùa thu hoạch cà phê thì Bà T giao cà phê cho vợ chồng ông bà. Tuy nhiên, đến mua thu hoạch cà phê thì Bà T không giao đủ số lượng cà phê như thỏa thuận. Tính đến nay thì Bà T còn nợ vợ chồng ông bà 24.500 kg cà phê nhân với số tiền 1.138.600.000 đồng theo hợp đồng mua bán nông sản ngày 19/4/2015 nên vợ chồng ông bà yêu cầu Bà T có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền trên. Bị đơn bà Nguyễn Thị Toàn không đồng ý với yêu cầu của vợ chồng Ông D, bà N và cho rằng hiện nay bà chỉ còn nợ vợ chồng Ông D, bà N 11.531kg cà phê nhân và chỉ đồng ý trả số cà phê này theo giá thị trường hiện nay nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản"* là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn Bà Đỗ Thị N, Ông Dương

Văn D thì thấy rằng:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ làm ăn mua bán cà phê với nhau theo hình thức Bà T ứng tiền chốt giá cà phê của vợ chồng Ông D, bà N. Sau khi chốt giá, nhận tiền thì Bà T có nghĩa vụ giao cà phê cho vợ chồng Ông D, bà N, quá trình ứng tiền chốt giá cà phê giữa hai bên diễn ra nhiều đợt là có trên thực tế và được các bên đương sự thừa nhận.

Trong quá trình mua bán cà phê thì các bên tiến hành chốt lại số lượng cà phê và giá cà phê bằng "*Hợp đồng mua bán nông sản*" đề ngày 19/4/2015 có nội dung: *"Bà T có chốt cho vợ chồng Ông D bà N số lượng cà phê nhân là 24.500kg từ ngày 14/2/2013 dương lịch và hai bên có thống nhất chốt giá theo giá thị trường từ ngày 15/3/2014 đến ngày 19/4/2015 tổng số tiền là 1.138.600.000đồng. Bà T nhất trí trả cho Ông D bà N số tiền 500.000.000đồng vào ngày 30/6/2015, số còn lại sẽ trả hết vào ngày 20/11/2015 dương lịch",* hợp đồng trên được Bà T ký xác nhận.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Bà T cho rằng chữ ký trong hợp đồng mua bán nông sản đề ngày 19/4/2015 giữa bà và vợ chồng Ông D, bà N không phải là chữ ký của bà và bà không thừa nhận số nợ này nhưng Bà T lại không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký và chữ viết của bà theo quy định của pháp luật, nên cần căn cứ vào hợp đồng mua bán nông sản đề ngày 19/4/2015 giữa bà và vợ chồng Ông D, bà N để giải quyết vụ án.

Hơn nữa, Bà T cho rằng từ ngày 14/11/2013 đến ngày 30/12/2013 giữa bà và vợ chồng Ông D, bà N có chốt tổng số cà phê là 19.700kg. Ngày 13/12/2013, bà đã trả cho vợ chồng Ông D, bà N số cà phê nhân 2846,2kg, ngày 28/12/2013 bà đã trả thêm 2522,8kg, ngày 19/11/2014 trả 2.800kg nên hiện nay bà chỉ còn nợ Ông D, bà N 11.531kg cà phê nhân và bà chỉ đồng ý trả cho vợ chồng Ông D, bà N số cà phê này theo giá thị trường nhưng Bà T lại không có chứng cứ chứng minh và vợ chồng Ông D, bà N cũng không thừa nhận.

[5] Mặt khác, Bà T cho rằng vợ chồng Ông D, bà N cùng 04 người đàn ông lạ mặt đến nhà bà bắt bà phải ký và trả đủ số cà phê ghi trong hợp đồng mua bán nông sản ngày 19/4/2015 là 24.500kg cà phê nhân tương đương 1.138.600.000 đồng nhưng bà không ký vì bà chỉ còn nợ 11.531kg. Sự việc này bà đã báo Công an xã TH, huyện ĐT vào ngày 12/11/2018 để xử lý hành vi trên của vợ chồng Ông D, bà N, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại Công an xã TH, huyện ĐT thì được biết không có sự việc Bà T báo cáo với Công an xã TH, huyện Đưc Trọng sự việc trên như lời trình bày của Bà T.

[6] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Hợp đồng mua bán nông sản viết tay ghi ngày 17/10/2013 (BL 13) có nội dung Bà T bán cho vợ chồng Ông D, bà N 10.000kg cà phê nhân đã nhận đủ tiền, ngày giao hàng là 20/12/2013 và giấy

chốt nợ ghi ngày 26/01/2014 có nội dung "*chị Toàn Kính đến ngày chị nợ chốt cà phê nhân xô = 14.331kg trả đủ tiền chưa cân hàng*" (BL 15) để xác định Bà T còn nợ vợ chồng Ông D, bà N tổng số cà phê là 24.331kg và chỉ buộc Bà T có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng Ông D, bà N 24.331kg theo giá thị trường với tổng số tiền là 742.095.500 đồng (24.331kg x 30.500 đồng) là không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng Ông D, bà N. Bởi lẽ, trong quá trình làm ăn chốt mua bán cà phê thì ngày 19/4/2015 Bà T và vợ chồng Ông D, bà N đã tiến hành đối chiếu chốt nợ bằng "*Hợp đồng mua bán nông sản*". Hợp đồng mua bán nông sản trên được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyên, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Tòa án cấp phúc thẩm cần căn cứ vào hợp đồng này để buộc Bà T có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng Ông D, bà N số tiền 1.138.600.000 đồng tương đương với 24.500kg cà phê nhân Bà T còn nợ vợ chồng Ông D, bà N tại thời điểm chốt nợ là có căn cứ và đúng pháp luật.

Với phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Bà Đỗ Thị N, Ông Dương Văn D để sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên là có căn cứ.

[7] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm nhưng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

Buộc Bà Hoàng Thị T phải chịu 46.158.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho vợ chồng Ông D, bà N (1.138.600.000 đồng = 36.000.000 đồng + 3 % vượt quá 800.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà Đỗ Thị N, Ông Dương Văn D, sửa bản án sơ thẩm. Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông bà Dương Văn D, Đỗ Thị N.

Buộc Bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông bà Dương Văn D, Đỗ Thị N số tiền nợ là 1.138.600.000 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

- Lãi suất chậm thi hành án:

"Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự".

2- Về án phí sơ thẩm:

2.1- Buộc Bà Hoàng Thị T phải chịu 46.158.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2- Hoàn trả cho vợ chồng Ông Dương Văn D, Bà Đỗ Thị N số tiền 23.079.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006646 ngày 01/4/2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT.

3- Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho vợ chồng Ông Dương Văn D, Bà Đỗ Thị N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000161 ngày 26/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. ĐT;
- CCTHADS H. ĐT;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Hữu Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch - Nguyễn Văn Thanh **Bùi Hữu Nhân**